

B. Nhận xét về các đoạn văn trích

Sau khi đã giới thiệu sáu đoạn văn trên, tôi lần lượt nêu nhận xét của tôi qua nội dung từng đoạn văn đó như sau:

1. Đoạn văn thứ nhất do thiên sư Tuệ Tĩnh, người Việt Nam thế kỷ 13 viết bằng chữ nôm để dẫn giải y lý:

Với đầu đề "Khí hoá âm dương", ông nêu lên những hiểu biết của con người Phương Đông về vũ trụ và mối quan hệ giữa vũ trụ với vạn vật, con người. Ở đó, ông không giảng rằng ngũ hành là 5 yếu tố cấu thành vật chất trong vũ trụ (như đến ngày nay, ở nhiều nơi vẫn còn có người hiểu sai đi như thế), mà ông đã nói về bản chất của ngũ hành, tuy cô đọng nhưng lại là khoa học nhất. Theo nội dung, ta có thể hiểu ngay rằng: "khí hoá" là khi khí hậu môi trường biến đổi, được biểu thị bằng "năm màu", đã làm cho cùng lúc đó các vật chất ở mặt đất có biến đổi tương ứng, được biểu thị điển hình bằng "năm hành", sự hoá đó được diễn đạt bằng chữ "sinh". Thực chất "khí hoá" là khi các thành phần cơ bản của khí hậu môi trường có biến đổi, cũng chính là tác nhân gây biến đổi vật lý, hoá học trong vạn vật làm cho vạn vật phải biến đổi theo. Tuỳ theo tỷ lệ nhiệt độ, độ ẩm của khí khác nhau mà người xưa đã cảm nhận rõ nhất để đặt thành các tên khí khác nhau như phong, hàn, thử, thấp, táo. Mỗi thứ khí này sẽ chỉ phù hợp cho điều kiện phát sinh và phát triển của một số loài điển hình được chọn làm tên hành. (ở đoạn sau tôi sẽ dựa trên tinh thần nội dung này và nêu ra những con số đại biểu của tỷ lệ khí tương ứng với hành, chúng ta sẽ thấy rõ thêm một bước nữa).

2. Đoạn văn thứ hai do ông Dương Kế Châu người đời Minh ở Trung Quốc, ông là tác giả bộ sách đồ sộ "Châm cứu đại thành". Đây là đoạn ông ghi lại lời văn trong bộ sách thuốc cổ xưa nhất ở Phương Đông có tên "Nội kinh".

Khác với Tuệ Tĩnh, ông đã sao lại mà không có giải thích gì thêm. Nội dung ghi là cách quan sát khí vật tương ứng. Sự tương ứng ấy được cử ra bằng các đại biểu các loại cụ thể: ở thời gian là mùa tiết. - Ở không gian là phương hướng mặt đất và tinh tú trên bầu trời. - Ở vạn vật là: màu sắc, súc vật, ngũ cốc, -

Ở người là tạng phủ, ngũ quan, thất khiếu, thể chất, thể dịch, động thái, và tâm lý, tình cảm v.v...

3. Đoạn văn thứ ba ghi lời Cơ Tử cáo với vua Vũ nhà Chu trong "Cửu trù hồng phạm". Ở nội dung này, ngũ hành về mặt tự nhiên, được trình bày bằng những tên của 5 loại vật chất cụ thể, kèm theo là tính chất của loại vật chất đó cũng rất cụ thể, thô thiển. Ngược lại, quan hệ của ngũ hành với các vấn đề triết lý, đạo đức luật pháp thì lại được bàn rất đầy đủ, sinh động. Về mặt quan hệ giữa thiên nhiên với vạn vật và con người thì không được bàn theo kiểu "khí hoá" của Tuệ Tĩnh, hay kiểu "khí vật tương ứng" của Nội kinh, mà bàn tới uy quyền của trời và vua (con trời) có quan hệ tới sự biến đổi của thiên nhiên và vạn vật, gọi là "thiên nhân tương dũ". Ở đây ta thấy một ý đồ chính trị xã hội rõ nét. Tôi không cho rằng đây là... "ý tưởng ngũ hành còn ở giai đoạn chưa hoàn thành...", nh nhận xét mà giáo sư Hùng Hữu Lan đã viết (ĐC THS TQ trang 142). Hãy xét thêm một số đoạn văn nữa, lúc đó ta sẽ có thêm cơ sở để phân tích rõ hơn về ý đồ chính trị đó.

4. Đoạn văn thứ tư là thiên "Nguyệt lệnh" trong sách "Lã thị xuân thu". Trong tác phẩm của mình, ông Phùng Hữu Lan đã viết: "Cách cấu tạo vũ trụ trong thiên này được diễn tả bằng từ ngữ của âm dương gia. Cách cấu tạo này có tính chất vũ trụ, nghĩa là liên quan tới không gian và thời gian"... (ĐC THS TQ trang 143). Thật ra, trong thiên này, phần nói về quan hệ giữa ngũ hành với thế giới tự nhiên tuy có rõ hơn một ít, nhưng cũng chỉ có thể coi là diễn tả sự tương ứng như: ngũ hành với phương hướng, với mùa, với tình trạng khí hậu, trong khi ấy phần nói về quan hệ giữa các hoạt động của ông vua có liên quan tới các biến đổi về khí hậu và vạn vật thì lại được mô tả nh một quy luật, có những hình ảnh rất sinh động, tế nhị làm dẫn chứng cho thuyết "thiên nhân tương dũ". Cũng giống như thiên "Cửu trù hồng phạm", ý đồ chính trị ở "Nguyệt lệnh" đã được nâng lên tới mức thể chế hoá các hành động của ông vua theo ngũ hành. Người ta đã lấy sự chặt chẽ của thuận tự ngũ hành và quan hệ sinh khắc của nó để làm mục thước tiến hành cai trị xã hội, trong khi họ chưa từng giải thích nổi bản chất của quy luật ngũ hành. Chứng cứ để tôi có nhận định này rõ ràng, như chính ông

Phùng Hữu Lan đã viết: "...như vậy bốn trong năm hành đã được cắt nghĩa chỉ còn hành thổ là chưa có vị trí và mùa..." Và ông đã đưa ra lý do không lấy gì làm sáng tỏ về hành thổ như sau... "Nhưng theo thiên "Nguyệt lệnh", thổ là hành chính của ngũ hành, vì vậy nó được vị trí trung ương của bốn mùa, lúc mà thổ mạnh là vào một khoảng ngắn "iữa mùa hè và mùa thu "... (ĐC THS TQ trang 143). Theo lý do này, ta vẫn còn chỗ chưa hiểu được là: Cái đã làm cho hành thổ mạnh ở vào một khoảng ngắn giữa mùa hè và mùa thu là cái gì ?

5. Đoạn văn thư năm nói về lịch sử quan của Trâu Diễn, ông Phùng Hữu Lan đã viết: "Trâu Diễn là một nhân vật trọng yếu của âm dương gia vào thế kỷ thứ 3 trước tây lịch. Theo cuốn Sử ký của Tư Mã Thiên thì Trâu Diễn là người nước Tề, ở giữa vùng Sơn Đông bây giờ. "Viết sách trên mười vạn lời". "Thấy đều thất tán"... Nhưng trong cuốn Sử ký, T Mã Thiên thuật lại khá kỹ lý thuyết của Trâu Diễn (như ông Phùng Hữu Lan đã viết trong ĐC THS TQ trang 146). Cũng giống như Cơ Tử là tác giả của "Cửu trù hồng phạm" và tác giả vô danh nào đó của bảng "Nguyệt lệnh", Trâu Diễn khi đưa thuyết ngũ hành vào lịch sử quan, ông đã cố tình dùng sự thuận tự của quy luật ngũ hành để gán ghép cho tính chất thuận tự ở các triều đại vua trong lịch sử. Ý tưởng của ông đã biến thành một nếp khẳng định trong ý thức hệ của giai cấp phong kiến. Đến nỗi đã gây ra cuộc tranh luận về chọn tên hành cho triều đại nhà Hán. Nh ông Phùng Hữu Lan đã mô tả lại ở trang 147 sách Đại cương triết học sử Trung Quốc của ông.

6. Ở đoạn văn thư sáu theo ông Phùng Hữu Lan viết về nhận thức của Đổng Trọng Thư với học thuyết ngũ hành, ta có thể thấy khác với Cơ Tử và Trâu Diễn, Đổng Trọng Thư đã đi sâu vào hình thái của quy luật ngũ hành. Họ Đổng nêu thuận tự của ngũ hành bắt đầu từ mộc, qua hoả, thổ, kim, thuỷ rồi trở về mộc, cũng như nêu rõ tương sinh, tương khắc của ngũ hành, là ông đã dựa hẳn vào sự diễn biến khí hậu của bốn mùa bắt đầu từ mùa xuân, khởi đầu vào mỗi năm. ông giải thích rằng: Sở dĩ có sự vận chuyển 4 mùa là do khí âm dương biến đổi. Về quan hệ tương ứng giữa thiên nhiên và con người, theo Đổng Trọng Thư thì trời có những niềm vui, giận và có cả tâm trí để cảm thấy buồn, khổ, sung sướng giống như tình cảm của người, vậy nếu sắp loại thì trời và người là một

(thiên 41). Đây cũng chỉ là quan niệm "thiên nhân tương dưỡng" mà thôi. Cái điểm khác mà ta đáng trân trọng vì ông đã coi con người là " . . . có địa vị cao quý hơn cả trong muôn vật" . . . và vai trò của con người trong bộ ba thiên, địa, nhân cũng rất quan trọng, con người không còn bị sự sai khiến, xếp đặt theo ý của trời nữa, như ông đã nói: "cả ba cũng như tay, chân hợp lại mà thành hình thể, không thể thiếu một". (thiên 19). Đây là một quan điểm tiến bộ hơn so với Cơ Tử và Trâu Diễn, nhưng cũng chưa đưa ta tới được bản chất của ngũ hành.

7. Nhận xét chung: Qua 6 đoạn văn trên, sau khi đã phân tích nội dung của từng bản văn, tôi có một nhận xét chung lại là: Những đoạn văn ghi về nội dung của mối quan hệ tương ứng, hay chỉ về quan hệ biến hoá của ngũ hành với tự nhiên giới thì thật rõ ràng, phong phú, chặt chẽ thành quy luật, có thể theo đó kiểm nghiệm ở thực tế, có thể vận dụng vào thực tiễn đời sống con người, do đó có thể dùng quy luật ngũ hành như công cụ hướng dẫn chúng ta nhận biết thêm về bản thể con người, về thiên nhiên và vạn vật. Những đoạn văn ghi nội dung của mối quan hệ giữa trời (tạo hoá), vua và thể chế, đạo đức xã hội tương ứng với ngũ hành thì sự tương ứng là gò gẫm cứng nhắc. Rõ nét nhất là ý tưởng mượn sự thuận tự của ngũ hành để đặt tên hành cho các triều đại, mà điển hình cho sự tác hại của nó là hành thuỷ của nhà Tần, chỉ vì để cho hợp với hành thuỷ mà các thiết chế theo hành thuỷ đã hà khắc vô nhân, gây bao đau khổ cho nhân dân. Sự gò ép có tính chất chính trị chủ quan của giai cấp thống trị phong kiến Trung Quốc khiến họ đã bất chấp thực tế khách quan tự nhiên còn được thể hiện đầy đủ nhất trong cuộc bàn cãi để xác định tên hành cho triều đại nhà Hán mà lịch sử triết học Trung Quốc đã không thể bỏ qua. Nó càng chứng minh thêm rằng: Quy luật ngũ hành, trước hết là quy luật vận động tự nhiên của thiên nhiên, vạn vật, con người. Nó không hề phù hợp với một sự suy diễn chủ quan của ý thức nào trái với quy luật tự nhiên.

Do tính chất chặt chẽ của quy luật tự nhiên trong học thuyết âm dương ngũ hành, có thể thấy được ở mọi lúc, mọi nơi trong đời sống của vạn vật, cho nên các triết gia cổ đại đã hiểu đơn giản rằng trạng thái "khí vật tương ứng" đồng nghĩa với "thiên nhân tương dưỡng", và sự đơn giản này đã là cho nó trở thành công

cụ chính trị xã hội của giai cấp thống trị phong kiến. Ở trong điều kiện kinh tế, kỹ thuật của xã hội phong kiến, bản chất của ngũ hành không được làm rõ, vì vậy mặc dù sự vận dụng thuận tự ngũ hành vào triều đại nhà Tân, nhà Hán đã gây ra những sự kiện lịch sử to lớn, cái lầm của các triết gia và cái ý đồ chính trị của vua chúa phong kiến Trung Quốc vẫn tiếp tục kéo dài trong suốt lịch sử phong kiến Trung Quốc. Xin nêu mấy ví dụ như sau, tôi còn nhớ rằng trước đây tôi có được xem một bản đồ về địa giới hành chính 9 châu quận ở Trung Quốc đời nhà Hán. Trong đó mượn ý nghĩa của bảng số ma phương có tên "Lạc thư", theo bảng này 1 ô chính giữa, 8 ô bao quanh theo hình vuông, ô chính giữa mang số 5 (Hình 3-1).

	NAM			
	4	9	2	
ĐÔNG	3	5	7	TÂY
	8	1	6	
	BẮC			

Hình 3 - 1

Tuy kinh đô nhà Hán bấy giờ ở vùng Bắc Kinh, ngày nay ở lệch về phía đông bắc của Trung Hoa lục địa, nhưng người ta cố tình coi đó là vị trí trung ương nên phải mang tên châu số 5, các châu khác theo phương hướng của Lạc thư mà đặt tên và định đường ranh giới hành chính, kể từ chung quanh châu số 5 cho ra tới biên giới bốn bề, (bắc VN hồi đó mang số 9 gọi là quận Cửu chân) do đó nhìn bản đồ ta thấy rõ sự gò găm quái dị. Có thể cho tới gần đây với tư tưởng

truyền thống cho rằng đất Trung Quốc là trung tâm của thế giới, người Hoa ở Sài Gòn cũng cho rằng nơi người Hoa ở phải là trung tâm của đô thị, nên họ đã tìm mọi cách để chính quyền Sài Gòn cũ chấp nhận khu Chợ Lớn là quận 5 của thành phố cho xứng đáng với truyền thống Trung Hoa. Quận danh đó còn đang được sử dụng ở thành phố Hồ Chí Minh hiện nay như một bằng chứng lịch sử sống động. (sau còn quận 10, cũng do người Hoa ở đông đúc mà có tên, số 10 là trung tâm Hà đô).